

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 288/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 19 tháng 01 năm 2018

*Ủy ban Nhân dân Tỉnh*  
*Đ.Đ.Đ.*

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị và quản lý thực hiện dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT QUẢNG NAM  
Số: 282  
ĐẾN Ngày: 28/11  
Chuyên: Lãnh đạo Sở  
- Các phòng, đơn vị  
thuộc Sở  
- P. KHTC (gửi)  
Website

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 6 Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị và quản lý thực hiện dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 199/TTr-SXD ngày 28/12/2017,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Triển khai thực hiện Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị và quản lý thực hiện dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; với một số nội dung chủ yếu như sau:

#### 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị và quản lý thực hiện dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

b) Đối tượng áp dụng: Các chủ đầu tư dự án và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

## 2. Các khoản chi phí được đưa vào quy định chi phí hỗ trợ

a) Chi phí quản lý dự án: Là chi phí cần thiết để chủ đầu tư tổ chức thực hiện các công việc quản lý dự án từ giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án và kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng.

b) Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: Bao gồm các khoản chi phí khảo sát, lập hồ sơ xây dựng, giám sát xây dựng và các chi phí tư vấn khác liên quan.

- Chi phí khảo sát: UBND cấp xã quyết định việc khảo sát địa hình, địa chất để phục vụ thiết kế, thi công công trình.

- Chi phí lập hồ sơ xây dựng: Là chi phí cho công tác lập hồ sơ dựa theo hồ sơ thiết kế mẫu, thiết kế điển hình. Hồ sơ này thay cho báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng (đối với công trình thông thường).

- Chi phí giám sát: Là chi phí cho công tác giám sát đầu tư xây dựng công trình.

- Chi phí thẩm tra thiết kế, dự toán: không thực hiện.

c) Chi phí khác: Bao gồm chi phí bảo hiểm, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán và chi phí thẩm định hồ sơ xây dựng; không có chi phí kiểm toán.

d) Chi phí dự phòng: Bao gồm yếu tố trượt giá và khối lượng phát sinh theo quy định.

## 3. Quy định chi phí quản lý dự án

Chi phí quản lý dự án (Gqlda): Bằng chi phí xây dựng trước thuế (Gxd/1,1) nhân với hệ số K. Hệ số K được lấy từ Bảng số 1 của Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng nhân với 80%, cụ thể như sau:

TT	Loại công trình	Bảng số 1 (QĐ số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017)	Hệ số K
1	Công trình dân dụng	3,282%	2,6256%
2	Công trình giao thông	2,936%	2,3488%
3	Công trình NN và PTNT	3,108%	2,4864%
4	Công trình hạ tầng kỹ thuật	2,763%	2,2104%

## 4. Quy định chi phí tư vấn

a) Chi phí khảo sát địa hình, địa chất: Việc tính toán chi phí khảo sát địa hình, địa chất theo định mức quy định của Thông tư 01/2017/TT-BXD ngày 06/2/2017 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng.

b) Chi phí lập hồ sơ xây dựng:

Bằng Chi phí xây dựng (Gxd) nhân với hệ số K. Có hai trường hợp:

- Trường hợp sử dụng hoàn toàn thiết kế mẫu:

Hệ số K được lấy từ Bảng số 4 của Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng nhân với 80% (có sử dụng thiết kế mẫu) nhân với 70% (chỉ lập thiết kế - dự toán) nhân với 12% (lập dự toán) nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng, cụ thể như sau:

TT	Loại công trình	Bảng số 4 (QĐ số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017)			Hệ số K		
		Gxd ≤ 1 tỷ	Gxd = 3 tỷ	Gxd = 5 tỷ	Gxd ≤ 1 tỷ	Gxd = 3 tỷ	Gxd = 5 tỷ
1	Công trình dân dụng	6,5%	4,7%	4,45%	0,437%	0,316%	0,299%
2	Công trình giao thông	5,4%	3,6%	3,15%	0,363%	0,242%	0,218%
3	Công trình NN và PTNT	6,2%	4,4%	4,15%	0,417%	0,296%	0,279%
4	Công trình hạ tầng kỹ thuật	5,8%	4,2%	3,80%	0,390%	0,282%	0,255%

- Trường hợp sử dụng thiết kế mẫu nhưng có phát sinh hạng mục hoặc kết cấu móng thay đổi:

Hệ số K được lấy từ Bảng số 4 của Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng nhân với 80% (có sử dụng thiết kế mẫu) nhân với 70% (chỉ lập thiết kế - dự toán) nhưng tối thiểu là 3.000.000 đồng, cụ thể như sau:

TT	Loại công trình	Bảng số 4 (QĐ số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017)			Hệ số K		
		Gxd ≤ 1 tỷ	Gxd = 3 tỷ	Gxd = 5 tỷ	Gxd ≤ 1 tỷ	Gxd = 3 tỷ	Gxd = 5 tỷ
1	Công trình dân dụng	6,5%	4,7%	4,45%	3,640%	2,632%	2,492%
2	Công trình giao thông	5,4%	3,6%	3,15%	3,024%	2,016%	1,764%
3	Công trình NN và PTNT	6,2%	4,4%	4,15%	3,472%	2,464%	2,324%
4	Công trình hạ tầng kỹ thuật	5,8%	4,2%	3,80%	3,248%	2,352%	2,128%

### 5. Chi phí giám sát

Chi phí giám sát: Bằng chi phí xây dựng (Gxd) nhân với hệ số K. Hệ số K được lấy từ Bảng số 22 của Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng nhân 80% (có sự tham gia của Ban quản lý xã, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng xã), cụ thể như sau:

TT	Loại công trình	Bảng số 22 ( <i>QĐ số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017</i> )	Hệ số K
1	Công trình dân dụng	3,285%	2,628%
2	Công trình giao thông	3,203%	2,562%
3	Công trình NN và PTNT	2,598%	2,078%
4	Công trình hạ tầng kỹ thuật	2,566%	2,053%

## 6. Chi phí khác

- a) Chi phí bảo hiểm: Bằng Gxd nhân với hệ số  $K=0,08\%$ .
- b) Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán: Được tính theo định mức của Thông tư số 09/2016/IT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính.
- c) Chi phí thẩm định hồ sơ xây dựng: Bằng tổng dự toán nhân với hệ số  $K=0,019\%$ .

## 7. Quy định đối với dự án có tổng mức dự toán trên 05 tỷ đồng

- a) Trường hợp có thiết kế mẫu do UBND tỉnh ban hành thì các chi phí trên sẽ cập nhật và bổ sung vào Đề án, trình Thường trực HĐND tỉnh thống nhất để UBND tỉnh ban hành việc áp dụng.
- b) Trường hợp không có thiết kế mẫu do UBND tỉnh ban hành thì các chi phí trên được tính đúng, tính đủ theo quy định hiện hành của nhà nước.

## 8. Nguồn kinh phí

Mức hỗ trợ khoán gọn quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7 Điều này nằm trong tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho từng dự án.

## Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng:
  - a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc áp dụng quy định về chi phí.
  - b) Theo dõi, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan trong việc nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh cập nhật, bổ sung quy định về chi phí hỗ trợ.
2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì hướng dẫn việc quản lý nguồn vốn chi cho chi phí hỗ trợ thực hiện Chương trình.
3. Sở Tài chính chủ trì việc theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng và thanh quyết toán các nguồn vốn chi cho chi phí hỗ trợ thực hiện Chương trình.
4. Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh; Văn phòng Chương trình hỗ trợ giảm nghèo tỉnh; Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Lao động, Thương binh và Xã hội; Giao thông vận tải; Tài nguyên và Môi trường; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giáo dục và

Đào tạo căn cứ chức năng, nhiệm vụ thực hiện việc hướng dẫn, kiểm tra các nội dung liên quan đến quản lý, sử dụng chi phí hỗ trợ theo quy định này.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

a) Trong công tác xây dựng và lập kế hoạch thực hiện Chương trình hàng năm đảm bảo dự kiến phân bổ nguồn vốn cho chi phí hỗ trợ theo quy định, phù hợp với kế hoạch vốn các cấp.

b) Quản lý, sử dụng và thanh quyết toán chi phí đảm bảo tuân thủ theo quy định này và các quy định hiện hành có liên quan.

c) Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia; trong đó, có vấn đề quản lý, sử dụng chi phí hỗ trợ đúng quy định. Nếu có những vấn đề phát sinh, phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh; Văn phòng Chương trình hỗ trợ giảm nghèo tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND cấp xã có triển khai Chương trình và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PC/T UBND tỉnh;
- UBMTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- UBND cấp xã (UBND cấp huyện sao gửi);
- Báo, Đài PTTH Quảng Nam;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH, KTN.

(D:\OneDrive\THUAN\QD\2018\01 17 -Triển khai thực hiện NQ47 Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị vụ QLĐA thuộc các chương trình MTQG.doc)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Huỳnh Khánh Toàn**